

Phụ lục I

DỰ KIẾN HỆ SỐ VÀ SỐ VỐN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CHO CÁC XÃ

DVT: Triệu đồng

Stt	Tên xã	Số áp đặc biệt khó khăn	Phân loại xã								Hệ số phân bổ theo phân loại xã				Tổng hệ số của xã	Dự kiến số vốn phân bổ giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Vùng DTTS			Xã ATK	Xã Biên giới	Xã đảo	Đặc khu	Các xã còn lại	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4		Tổng cộng	SN	ĐTPT	
			KVI	KVII	KVIII														
	Tổng số	123	3	9	16	25	4	3	0	32	1.750	160	30	800	2.863	2.565.360	655.590	1.909.770	
I	Các Sở, ban, ngành thành phố															180.332	180.332	0	
II	Các xã															2.385.028	475.258	1.909.770	
1	Xã An Thạnh					X		X			50				50	41.653	8.300	33.353	
2	Xã Cù Lao Dung					X	X	X			50				50	41.653	8.300	33.353	
3	Xã Phong Năm					X		X			50				50	41.653	8.300	33.353	
4	Xã Xà Phiền				X	X					50				50	41.653	8.300	33.353	
5	Xã Lương Tâm	6			X	X					50				56	46.651	9.296	37.355	
6	Xã Long Phú	10			X	X					50				60	49.983	9.960	40.023	
7	Xã Thới An Hội	2			X	X					50				52	43.319	8.632	34.687	
8	Xã Vĩnh Lợi	1			X	X					50				51	42.486	8.466	34.020	
9	Xã Lâm Tân	10			X	X					50				60	49.983	9.960	40.023	
10	Xã Liêu Tú	7			X	X					50				57	47.484	9.462	38.022	
11	Xã Kế Sách	10			X						50				60	49.983	9.960	40.023	
12	Xã An Ninh	8			X						50				58	48.317	9.628	38.689	
13	Xã Lai Hòa	10			X		X				50				60	49.983	9.960	40.023	
14	Xã Lịch Hội Thượng	4			X						50				54	44.985	8.964	36.021	
15	Xã Mỹ Hương	13			X						50				63	52.482	10.458	42.024	
16	Xã Tài Văn	11			X						50				61	50.816	10.126	40.690	
17	Xã Thuận Hòa	11			X						50				61	50.816	10.126	40.690	
18	Xã Vĩnh Hải	3			X		X				50				53	44.152	8.798	35.354	
19	Xã Phú Lộc	5			X						50				55	45.818	9.130	36.688	
20	Xã Gia Hòa		X			X					50				50	41.653	8.300	33.353	
21	Xã Ngọc Tổ		X			X					50				50	41.653	8.300	33.353	
22	Xã Nhu Gia			X		X					50				50	41.653	8.300	33.353	
23	Xã Trường Khánh			X		X					50				50	41.653	8.300	33.353	
24	Xã Mỹ Tú			X		X					50				50	41.653	8.300	33.353	

Stt	Tên xã	Số ấp đặc biệt khó khăn	Phân loại xã								Hệ số phân bổ theo phân loại xã				Tổng hệ số của xã	Dự kiến số vốn phân bổ giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Vùng DTTS			Xã ATK	Xã Biên giới	Xã đảo	Đặc khu	Các xã còn lại	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4		Tổng cộng	SN	ĐTPT	
			KVI	KVII	KVIII														
25	Xã Thanh Thới An	4		X		X					50				54	44.985	8.964	36.021	
26	Xã Hòa Tú					X					50				50	41.653	8.300	33.353	
27	Xã Đại Ngãi					X					50				50	41.653	8.300	33.353	
28	Xã An Lạc Thôn					X					50				50	41.653	8.300	33.353	
29	Xã Mỹ Phước					X					50				50	41.653	8.300	33.353	
30	Xã Đại Hải					X					50				50	41.653	8.300	33.353	
31	Xã Hồ Đắc Kien					X					50				50	41.653	8.300	33.353	
32	Xã Long Hưng					X					50				50	41.653	8.300	33.353	
33	Xã Vĩnh Viễn					X					50				50	41.653	8.300	33.353	
34	Xã Thanh Xuân					X					50				50	41.653	8.300	33.353	
35	Xã Trần Đề	3		X			X				50				53	44.152	8.798	35.354	
36	Xã Tân Thạnh			X								40			40	33.322	6.640	26.682	
37	Xã Phú Tâm	4		X								40			44	36.654	7.304	29.350	
38	Xã Tân Long			X								40			40	33.322	6.640	26.682	
39	Xã Hòa Lưu			X								40			40	33.322	6.640	26.682	
40	Xã Cờ Đỏ		X										30		30	24.992	4.980	20.012	
41	Xã Nhơn Mỹ									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
42	Xã Phong Điền									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
43	Xã Nhơn Ái									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
44	Xã Trường Long									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
45	Xã Thới Lai									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
46	Xã Đông Thuận									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
47	Xã Trường Xuân									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
48	Xã Trường Thành									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
49	Xã Thạnh Phú									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
50	Xã Thới Hưng									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
51	Xã Đông Hiệp									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
52	Xã Trung Hưng									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
53	Xã Vĩnh Thạnh									X				25	25	20.826	4.150	16.676	

Stt	Tên xã	Số ấp đặc biệt khó khăn	Phân loại xã								Hệ số phân bổ theo phân loại xã				Tổng hệ số của xã	Dự kiến số vốn phân bổ giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Vùng DTTS			Xã ATK	Xã Biên giới	Xã đảo	Đặc khu	Các xã còn lại	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4		Tổng cộng	SN	ĐTPT	
			KVI	KVII	KVIII														
54	Xã Vĩnh Trinh									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
55	Xã Thanh An									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
56	Xã Thanh Quới									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
57	Xã Vị Thủy									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
58	Xã Vĩnh Thuận Đông									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
59	Xã Vị Thanh 1									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
60	Xã Vĩnh Tường	1								X				25	26	21.659	4.316	17.343	
61	Xã Tân Hòa									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
62	Xã Trường Long Tây									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
63	Xã Châu Thành									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
64	Xã Đông Phước									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
65	Xã Phú Hữu									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
66	Xã Tân Bình									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
67	Xã Hòa An									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
68	Xã Phương Bình									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
69	Xã Tân Phước Hưng									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
70	Xã Hiệp Hưng									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
71	Xã Phụng Hiệp									X				25	25	20.826	4.150	16.676	
72	Xã Thạnh Hòa									X				25	25	20.826	4.150	16.676	